



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư và Phát triển Sao Mai Việt

Ngày 31/12/2025	8,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	-	4.7%

DT thuần Q4/25
1.15
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.30 -53.1%
YoY: ▲ 0.94 448%

LN thuần Q4/25
0.05
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.02 55.5%
YoY: ▲ 0.03 133%

LN sau thuế Q4/25
0.03
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.01 62.1%
YoY: ▲ 0.01 62.1%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
8.0%
YoY: +/-▲ 2.1%

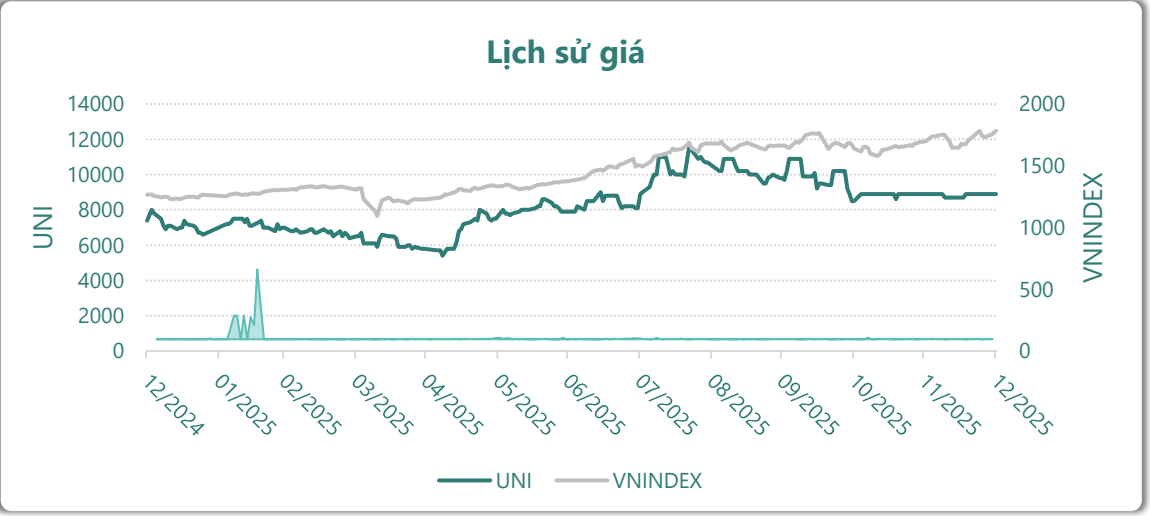
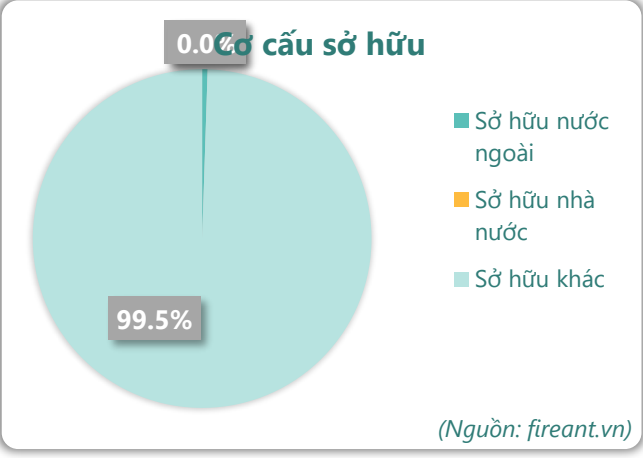
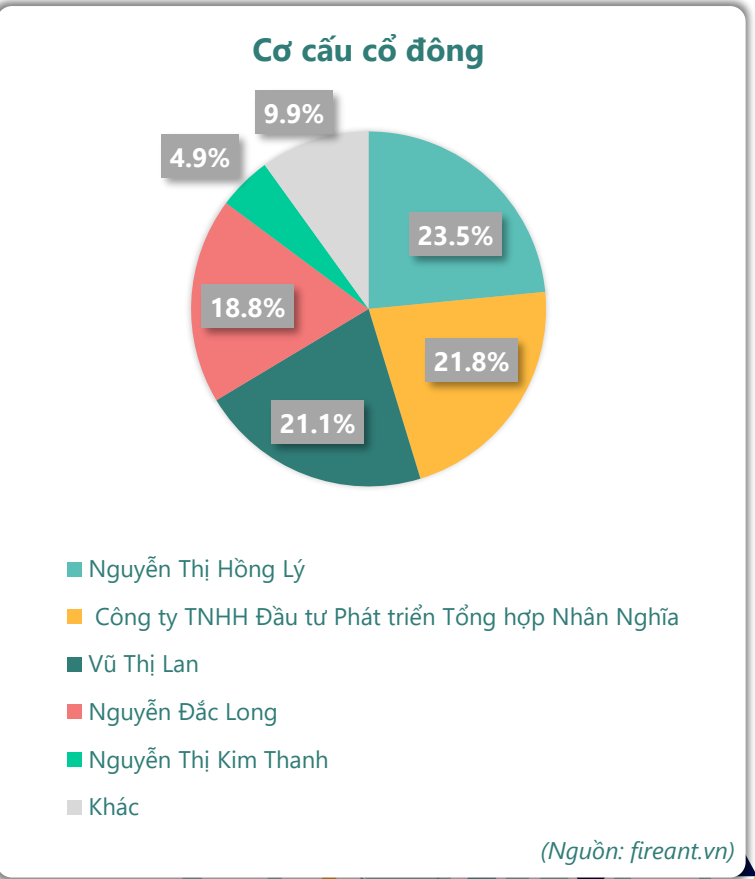
ROE 2025
0.0%
YoY: +/-▲ 0.0%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	5,400 - 11,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	379
Số lượng CPLH (CP)	42,617,632
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,985
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	0.08
EPS	2
P/E	3796.8

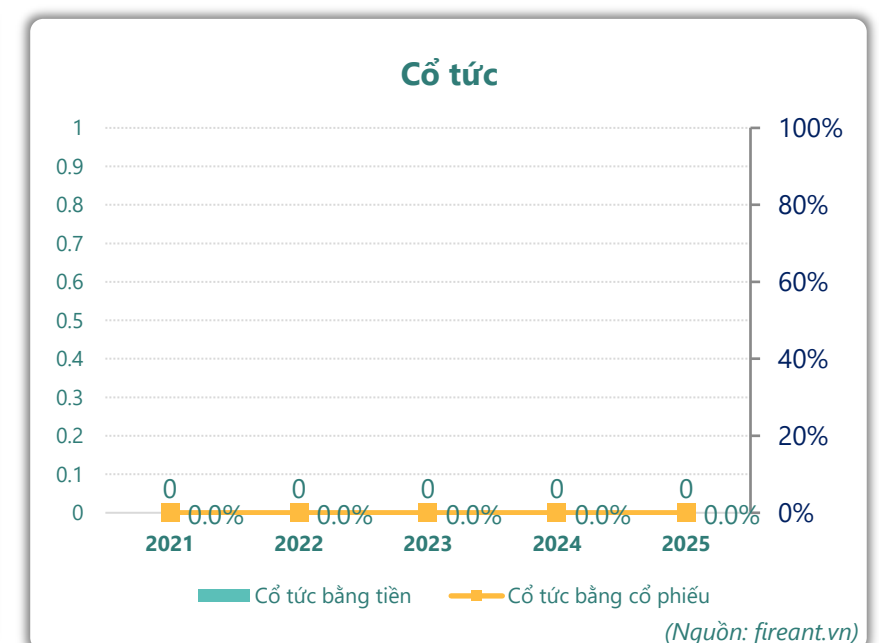
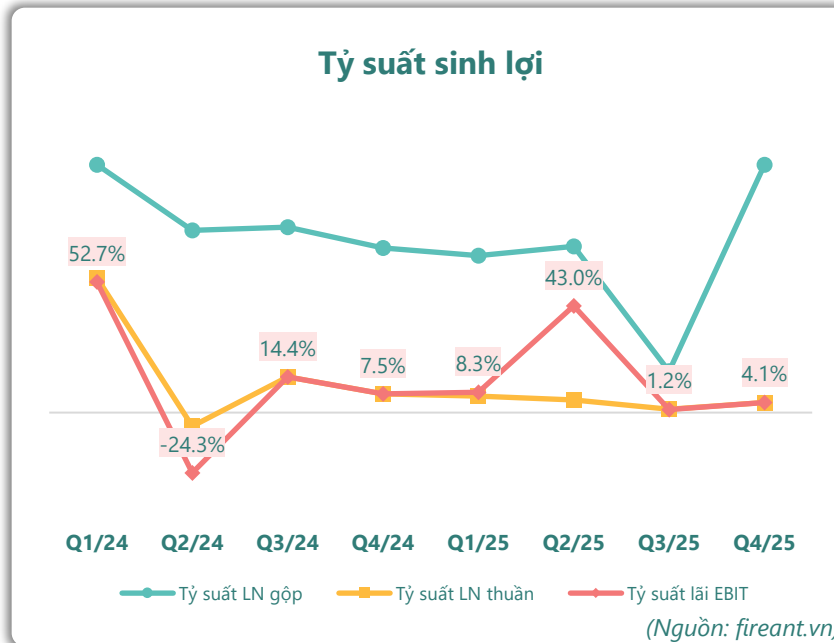
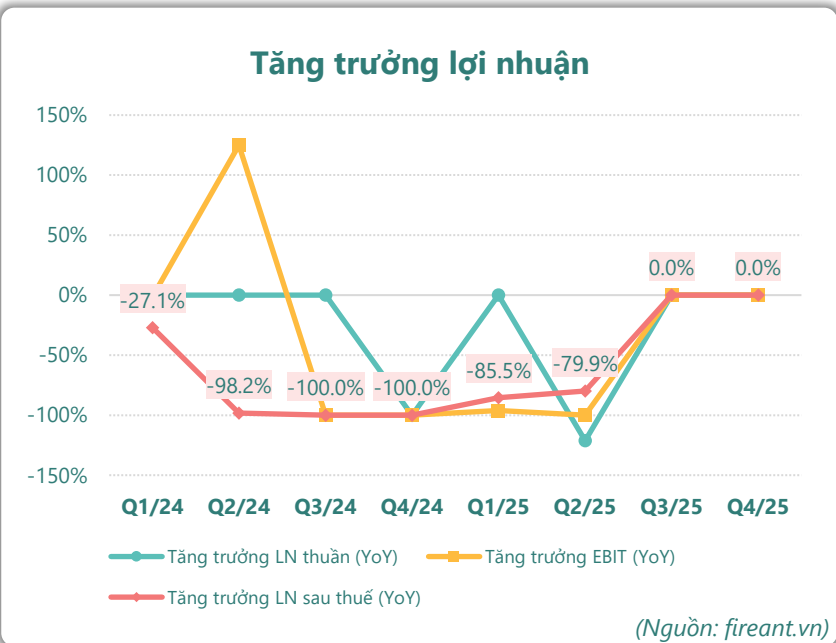
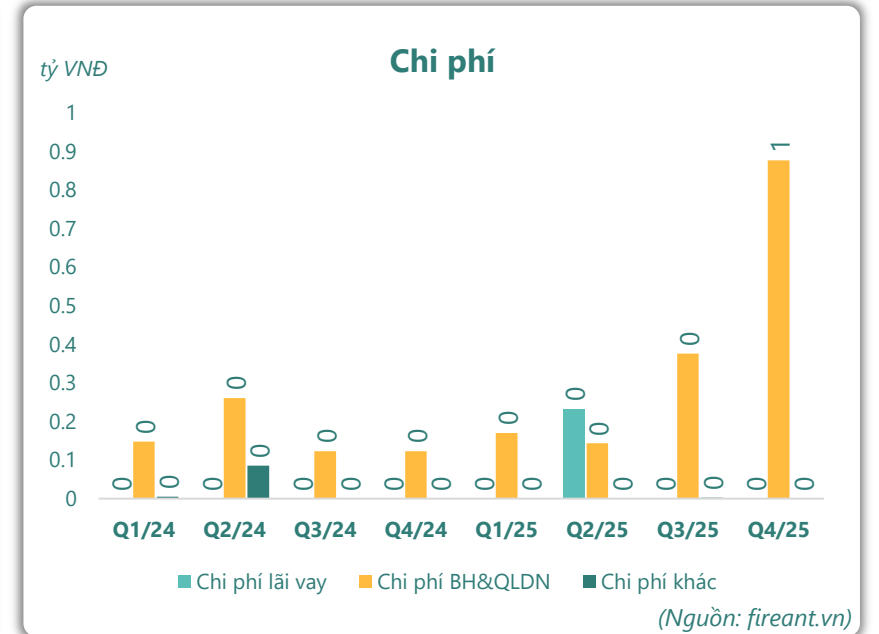
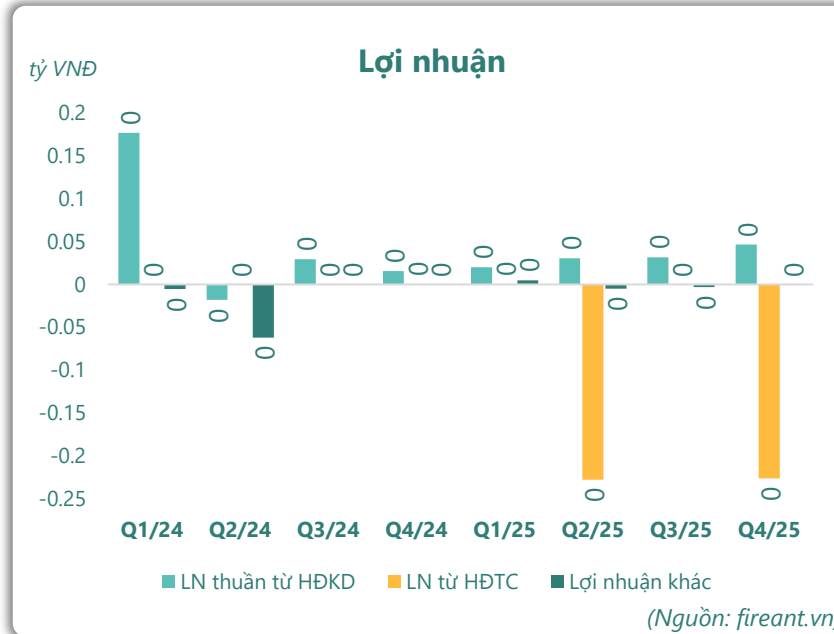
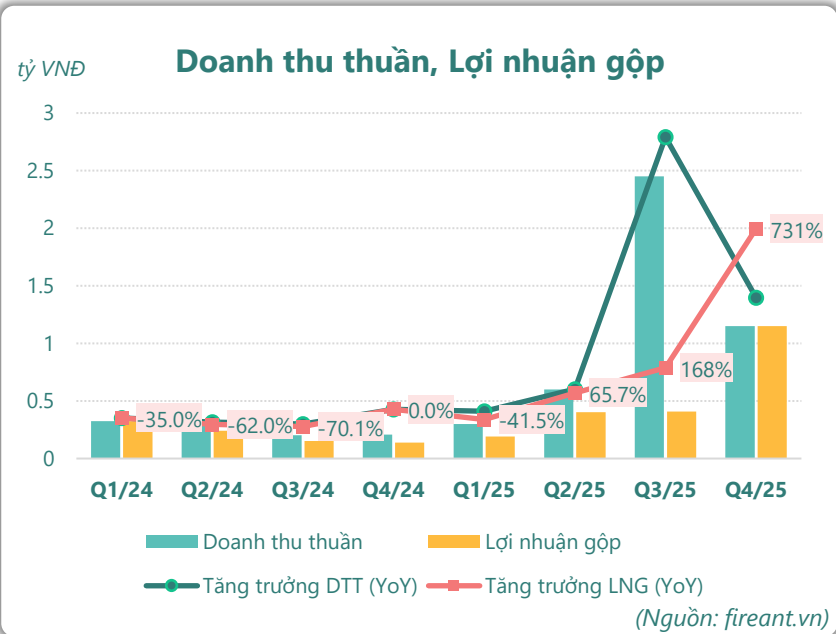
DT thuần 2025
4.50
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.43 322%

LN thuần 2025
0.13
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.04 42.2%

LN sau thuế 2025
0.10
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.10 7347%



KẾT QUẢ KINH DOANH

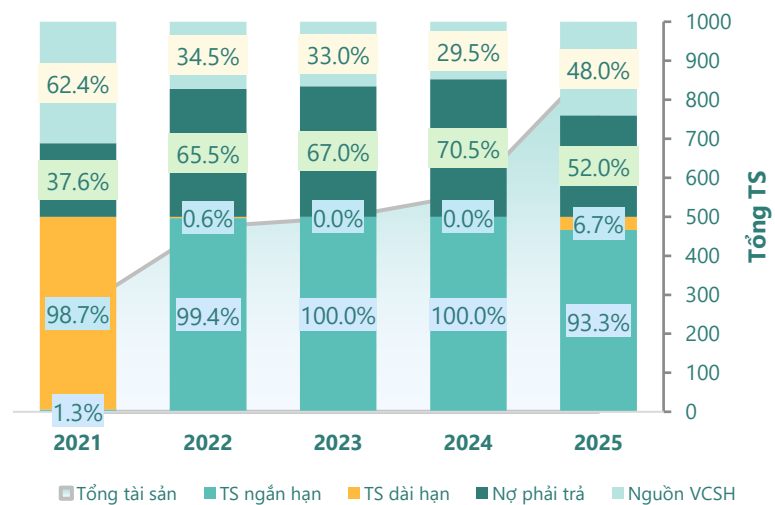




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

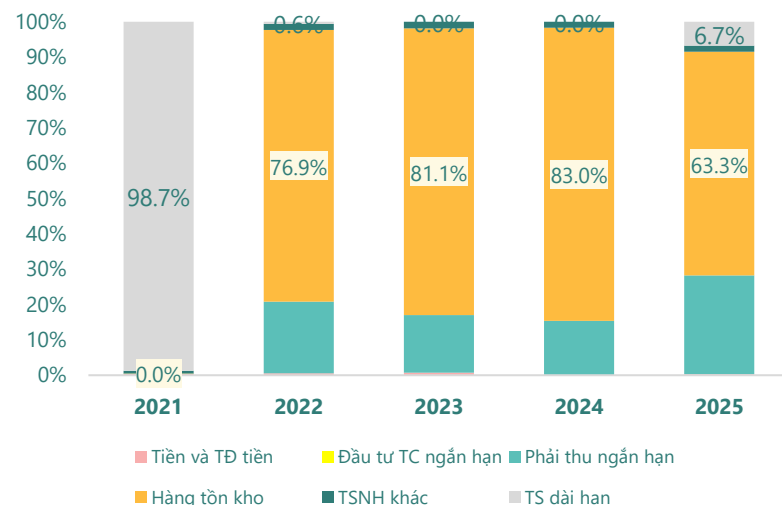
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

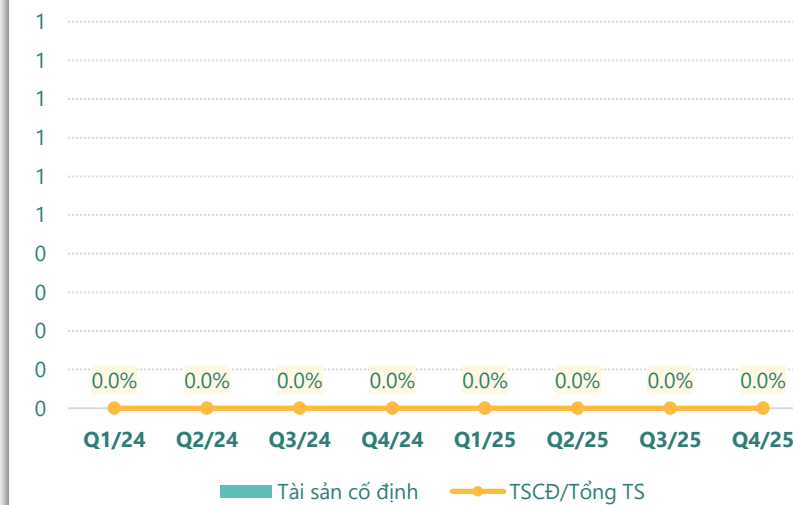
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

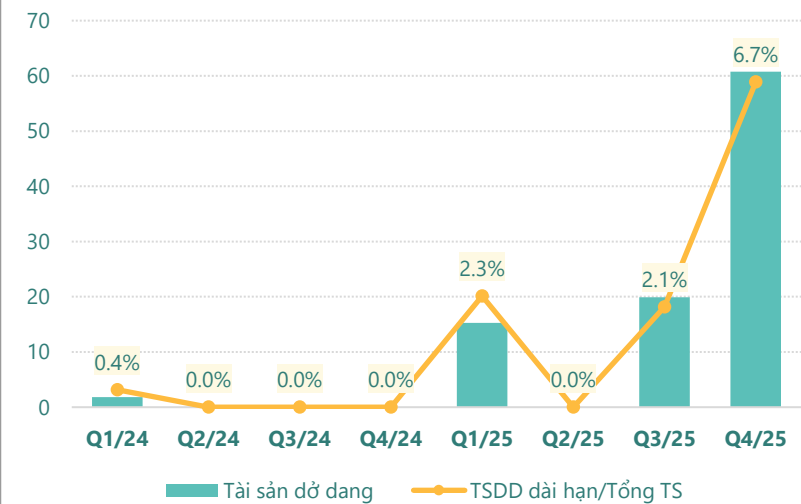
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

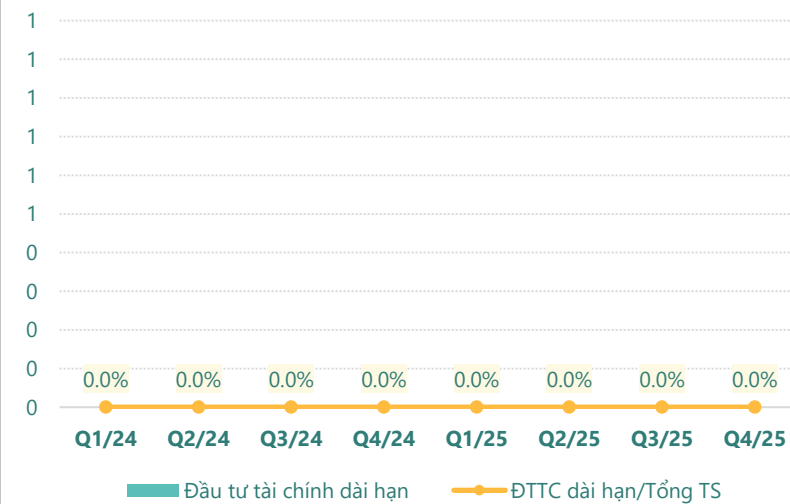
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

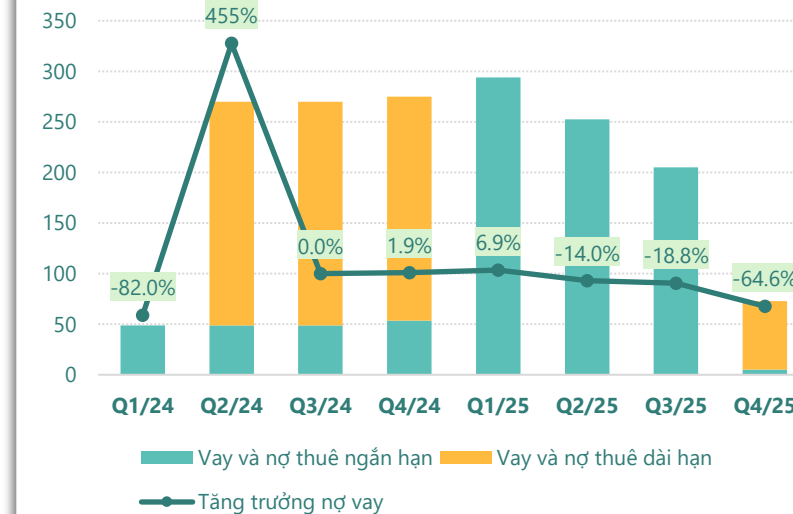
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

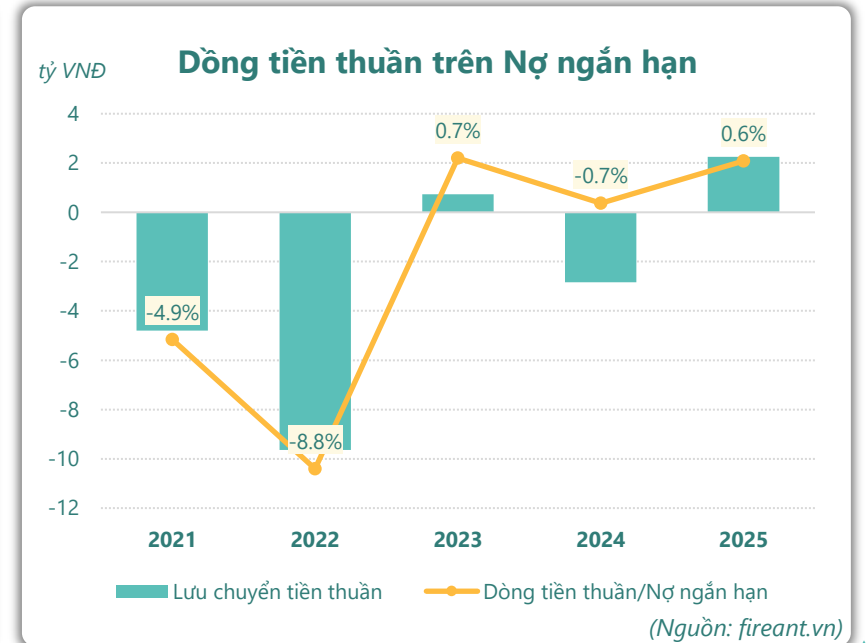
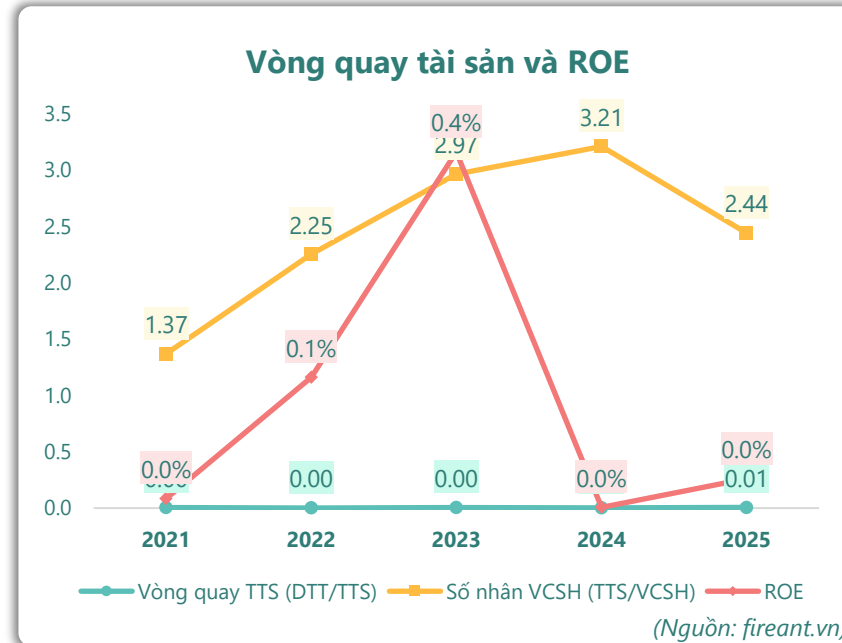
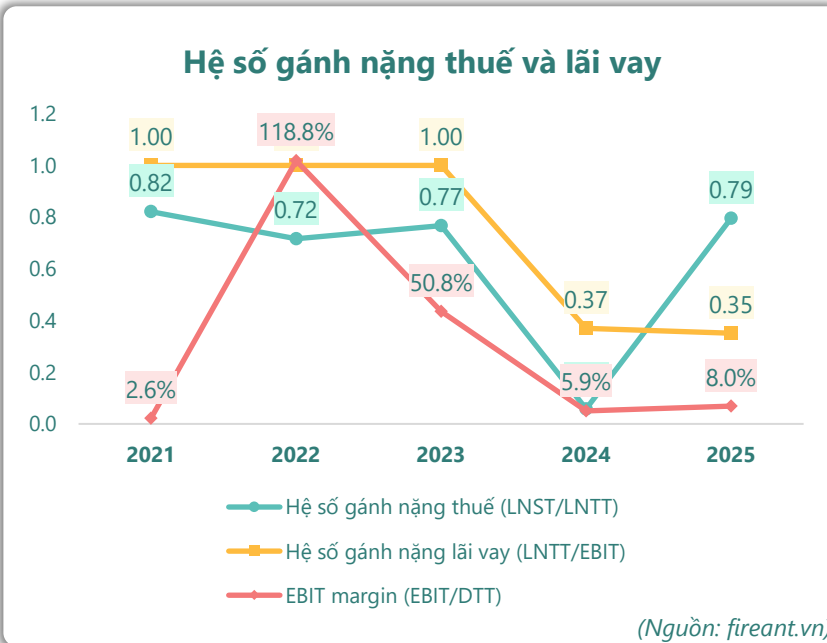
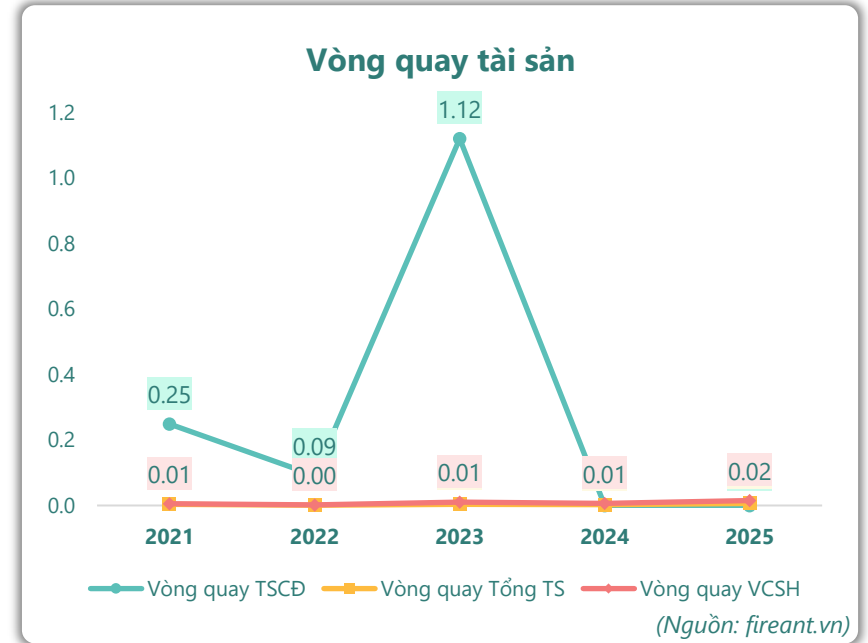
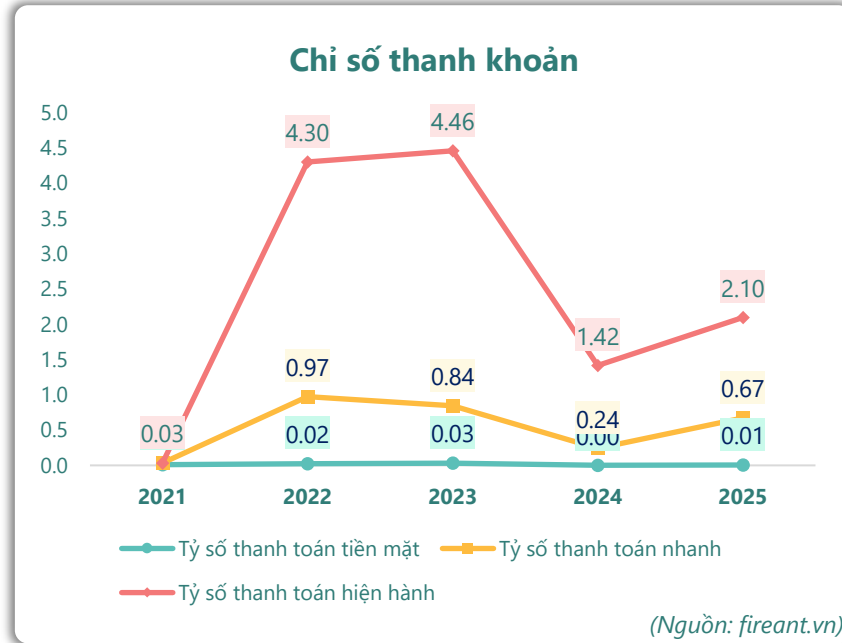
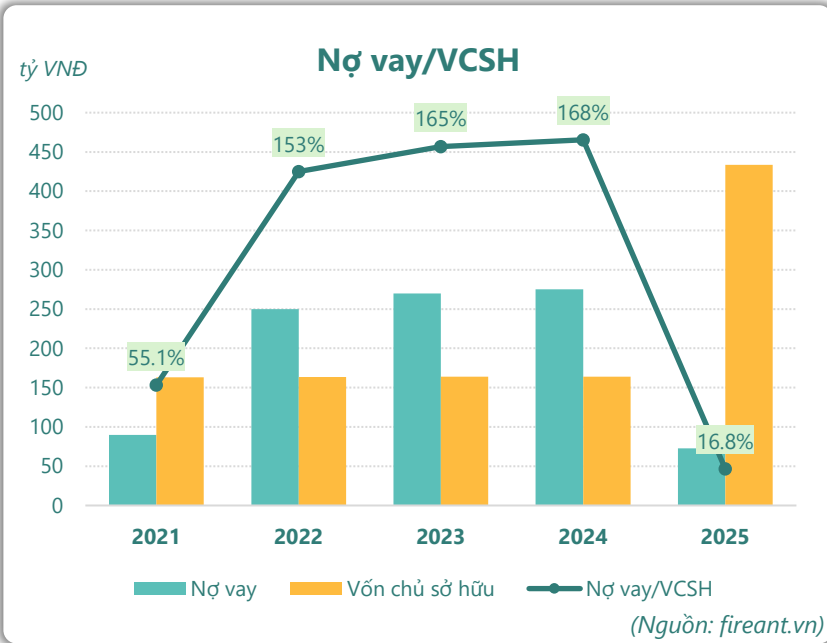
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1.15	0.21	448%	4.50	1.07	322%
Giá vốn hàng bán	0	0.07	-100%	2.35	0.17	1251%
Lợi nhuận gộp	1.15	0.14	721%	2.15	0.89	141%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.01	0.00	1587%
Chi phí TC	0.23	0.00		0.46	0.04	1065%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.23	0.04	490%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	0.88	0.12	631%	1.57	0.76	105%
LN thuần từ HĐKD	0.05	0.02	133%	0.13	0.09	42.2%
Lợi nhuận khác	0	0.00		0.00	-0.07	95.2%
LN trước thuế	0.05	0.02	133%	0.13	0.02	445%
Lợi nhuận sau thuế	0.03	0.02	62.1%	0.10	0.00	7347%
LNST của CĐ cty mẹ	0.03	0.02	62.1%	0.10	0.00	7347%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.05	-4.72	-3.17	-244	67.5	175
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.05	0.05	-15.3	15.3	-19.9	-40.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	5.00	18.9	229	-47.5	-132
Tiền đầu kỳ	0.28	0.28	0.61	1.07	1.08	1.20
Lưu chuyển tiền thuần	0.00	0.33	0.45	0.01	0.13	1.66
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.28	0.61	1.07	1.08	1.20	2.86

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	903	556	62.3%
Tài sản ngắn hạn	842	556	51.3%
Tiền và tương đương tiền	2.81	0.61	359%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	252	84.9	197%
Hàng tồn kho	571	462	23.8%
Tài sản ngắn hạn khác	15.9	9.28	71.1%
Tài sản dài hạn	60.8	0	
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	60.8	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	469	392	19.6%
Nợ ngắn hạn	402	392	2.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.00	275	-98.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	68.9	0.78	8728%
Nợ dài hạn	67.7	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	67.7	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	434	164	164%
Vốn chủ sở hữu	434	164	164%
Vốn điều lệ	426	156	173%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

